

VAI TRÒ XÍ NGHIỆP CÔNG Ở ẤN ĐỘ

PTS. HỒ NGỌC PHƯƠNG

Ấn Độ là một đất nước cổ kính ở châu Á. Miền đất mênh mông đầy bí ẩn này là đối tượng dòm ngó của các cường quốc phương Tây, nhất là Anh quốc trong suốt 2 thế kỷ qua. Ngày nay Ấn Độ vẫn còn là một nước nghèo với hơn 905 triệu dân, GDP đầu người 303 USD và lạm phát ở mức 11,4% năm 1994.

Các xí nghiệp công (*public enterprises*) ở Ấn Độ đầu tiên được thành lập vào năm 1830. Đó là Văn phòng thiết bị toán học (*Mathematical Instruments Office*), tiếp đến là bưu điện được thành lập năm 1837 và tuyến điện báo được xây dựng vào năm 1850. Có thể nói đây là những xí nghiệp công lâu đời nhất ở Ấn Độ và trên thế giới cùng với các xí nghiệp công khác ở Ai Cập và Trung Hoa. Trong giai đoạn 1914 - 1946, chính phủ Ấn Độ can thiệp tích cực vào quá trình phát triển công nghiệp của đất nước, đặc biệt trong các ngành sắt thép, đường, dệt. Thật vậy, các xí nghiệp công ở Ấn Độ đã tồn tại hơn một thế kỷ nay trong các ngành hàng không, xe lửa, hải cảng, thông tin, truyền thanh, thủy lợi, điện năng, ngân hàng. Trong đó xí nghiệp công lớn nhất phải kể đến đường sắt, bưu điện và truyền thanh được nhà nước kiểm soát và quản lý từ trước khi Ấn Độ độc lập năm 1947.

Thủ tướng đầu tiên của nước Ấn Độ độc lập, J.Nehru, người chịu ảnh hưởng của mô hình xã hội chủ nghĩa Liên Xô cũ, kỳ vọng vào các xí nghiệp công như là cứu cánh cho sự phát triển và công bằng xã hội, thực hiện khát vọng hiện đại hóa đất nước trên con đường tự lực tự cường trong một nền kinh tế hỗn hợp: thị trường phối hợp với kế hoạch hóa tập trung.

28 PHÁT TRIỂN KINH TẾ



Chính sách công nghiệp hóa đất nước năm 1948 của chính phủ Ấn Độ đề cập đến sự cần thiết của kế hoạch tập trung, đồng thời các ngành công nghiệp cơ bản cũng như các ngành quan trọng chiến lược phải được các xí nghiệp công đảm trách với vai trò trọng yếu. Hai mục tiêu được đặt ra trong chính sách này là tiến hành công nghiệp hóa đất nước và phúc lợi cho nhân dân. Chính sách này chia

công nghiệp ra làm thành 3 nhóm: nhóm 1 bao gồm các ngành hoàn toàn do nhà nước độc quyền kiểm soát và quản lý, chẳng hạn như ngành đường sắt, bưu điện và viễn thông, công nghiệp quốc phòng, năng lượng nguyên tử. Nhóm 2 bao gồm những ngành do nhà nước kiểm soát nhưng không độc quyền hoàn toàn và được bổ sung từ khu vực tư; ví dụ như các ngành công nghiệp than, sắt thép, sản xuất máy bay, đóng tàu, sản xuất máy điện thoại, điện báo và các loại máy vô tuyến. Nhóm 3 là những ngành hoàn toàn giao cho khu vực tư đảm nhận.

Ấn Độ là một nước nằm ngoài khối xã hội chủ nghĩa trước đây có số lượng xí nghiệp công lớn nhất. Có đến 18,5 triệu công nhân làm việc ở khu vực công trong khi đó chỉ có 7,4 triệu người làm việc ở khu vực tư mà thôi. Chính phủ không những là người cung ứng các hàng hóa dịch vụ công như giáo dục, y tế, phúc lợi; độc quyền về ngân hàng và tài chính mà đồng thời là người tạo ra nhiều công ăn việc làm ở các xí nghiệp công lớn và nhỏ.

Những năm cuối thập niên 40, hoạt động của các xí nghiệp công tăng lên đáng kể, nhất là các ngành khai thác mỏ, giao thông và liên lạc. Trong thập niên 50 và 60, khu vực công bành trướng mạnh mẽ và ý tưởng xây dựng một nhà nước phúc lợi trên đà phát triển. Ở cấp trung ương, có đến 90% nguồn vốn do nhà nước quản lý, trong khi đó thì ở cấp liên bang thì 90% nguồn vốn do khu vực tư quản lý. Thị trường Ấn Độ hướng vào Liên Xô cũ và các nước đông Âu. Cùng với sự sụp đổ của thị trường đó, nền kinh tế Ấn Độ bước vào giai đoạn khủng hoảng từ đầu thập niên 90. Thủ tướng Rao nắm quyền năm 1991 và thực

hiện một chương trình cởi mở kinh tế dành cho khu vực tư: thả nổi tỷ giá hối đoái kêu gọi đầu tư nước ngoài, đơn giản hóa các thủ tục kinh doanh với mục tiêu thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế bình quân 6% năm từ đây cho đến năm 2000. Quá trình tư nhân hóa nền kinh tế bắt đầu được thực hiện một cách từ tốn. Khu vực công vẫn đang bao trùm nền kinh tế và hiện có 300 công ty do nhà nước trung ương quản lý trực tiếp và 700 công ty do chính phủ các bang quản lý hoạt động trong nhiều ngành khác nhau như công nghiệp sắt thép, khách sạn, hàng không, viễn thông và điện thoại, du lịch, điện và gas, cấp thoát nước, giao thông, tài chính, bảo hiểm, địa ốc, khai thác mỏ... Tỷ trọng của khu vực công chiếm 27% trong GDP và 60 - 70% tổng số nhân lực.

Ở Ấn Độ có các loại hình xí nghiệp công sau đây:

1. Công ty công (*public corporation*) là hình thức xí nghiệp quốc doanh có quy mô rất lớn, có tư cách pháp nhân, tự chủ tài chính, lấy thu bù chi trong hoạt động, ký các hợp đồng, được vay tiền ngân hàng, có thể thuê kiện và bị kiện, tuyển chọn nhân lực. Hội đồng các giám đốc hoạch định chính sách và lựa chọn ban quản trị điều hành đảm bảo sự linh hoạt cho các hoạt động kinh doanh cũng như phục vụ công ích. Những công ty công lớn ở Ấn Độ ví dụ như Damodar Valley Corporation, Industrial Finance, State Finance, Air Transport Corporation, State Bank of India. Có 2 loại công ty công: loại mục đích kinh doanh và loại không mục đích kinh doanh.

2. Xí nghiệp hỗn hợp (*mixed enterprise*) là loại hình xí nghiệp công tư hợp doanh, kết hợp nội địa giữa khu vực công và khu vực của nền kinh tế. Ấn Độ từ chối chính sách thả nổi hoàn toàn cho thị trường điều tiết (*the laissez - faire*) đồng thời cũng không áp dụng chế độ sở hữu nhà nước hoàn toàn các tư liệu sản xuất như các nước xã hội chủ nghĩa. Loại hình xí nghiệp hỗn hợp này rất phổ biến trong nhiều ngành khác nhau như chế tạo máy bay, hóa chất và dược phẩm, phân bón, điện tử, hàng không, tài chính, vận tải biển, thương mại tổng hợp.

3. Xí nghiệp hợp tác (*associated enterprise*) là loại hình xí nghiệp liên doanh giữa chính phủ Ấn Độ với tư bản tư nhân ngoại quốc. Loại hình này phổ biến ở trong các ngành sản xuất máy điện thoại và các máy vô tuyến khác, nhà cửa dân dụng, ô tô ray, sản xuất thép, tín dụng công nghiệp...

4. Xí nghiệp liên doanh (*joint venture*) là sự kết hợp giữa khu vực tư nội địa với khu vực tư ngoại quốc,

hoặc giữa khu vực công nội địa với khu vực công ngoại quốc. Loại hình này phổ biến ở trong ngành khai thác dầu mỏ và lọc dầu.

Chịu ảnh hưởng của khối xã hội chủ nghĩa trước đây, đặc biệt là các thành tựu công nghiệp hóa của các nước Trung Á thuộc Liên Xô cũ như Uzbekistan, Tadgikistan, Kazakstan, Kirgizia, các nhà làm chính sách của Ấn Độ thiên theo con đường xây dựng nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, dựa vào sự phát triển của khu vực công làm nền tảng cho việc công nghiệp hóa và phát triển đất nước. Thực tế cho thấy hoạt động của các xí nghiệp công đã không có cạnh tranh lẫn nhau làm động lực cho việc cải tiến công nghệ và quản lý, thúc đẩy phát triển kinh tế. Thừa lỗ và sự lãng phí tài sản công ở các xí nghiệp công kéo dài và là gánh nặng đè lên ngân sách quốc gia. Sự an toàn trước nguy cơ mất việc khi làm trong các xí nghiệp công và tình trạng dư thừa nhân lực tạo nên một sức ỳ lớn trong hoạt động của khu vực công. Việc cải cách xí nghiệp công nhằm nâng cao

hiệu quả hoạt động đưa đến việc thả nổi nhân công làm tăng áp lực xã hội đối với chính phủ trong khi khu vực tư chưa đủ sức tiếp nhận số nhân công dôi ra đó. Sự tiến thoái lưỡng nan này duy trì các xí nghiệp công như là một nhà nước phúc lợi nhỏ nằm trong một nhà nước phúc lợi lớn và người ta không ai muốn từ bỏ những lợi ích có hữu đã có cả.

Thế nhưng công ích và phúc lợi xã hội luôn luôn tồn tại như là một thực tế khách quan không thể chối bỏ được trong bất kỳ một xã hội nào. Chính phủ phải đáp ứng và quản lý các hàng hóa và dịch vụ công thông qua vai trò của các xí nghiệp công vì khu vực tư không làm được hoặc là làm có chừng mực vì không đủ lợi nhuận hấp dẫn - không thể phủ nhận và xem nhẹ vai trò của các xí nghiệp công trong đời sống kinh tế xã hội vì ngày nay trên thế giới các xí nghiệp công sản xuất ra 15 - 20% xuất lượng toàn cầu và chiếm đến 20 - 30% tỷ trọng trong mua bán quốc tế hàng năm ■

Đọc sách mới

NÚI CAO BIỂN RỘNG

Trong năm 1995, sau hai tập biên khảo *Giải mã truyền Tây du tân biên, Quan Thánh xưa và nay*, Lê Anh Dũng vừa ấn hành xong tác phẩm thứ năm, là tuyển tập văn dịch *Núi cao biển rộng* (nhà xuất bản Trẻ).

Núi cao (công cha như núi Thái Sơn, cao) biểu tượng cho cha; biển rộng (lòng mẹ bao la như biển Thái Bình dạt dào, nhạc Y Vân) biểu tượng cho mẹ. Tập sách mỏng manh, vón vện 132 trang, nhưng có thể nói là đã gói ghém những tâm tư, tình cảm của người dịch trong vấn đề cùng cố quan hệ cha mẹ và con cái trong gia đình, một đức tính truyền thống của đạo lý Việt Nam.

Mấy năm gần đây, báo chí thường nói về các thảm kịch gia đình, như: con cái thành danh nên phận mà hắt hủi cha mẹ già yếu quê mùa; con cái đưa cha mẹ ra tòa vì cái ăn cái mặc, vì gia tài phân chia không vừa ý, hoặc có khi chính cha mẹ vì tiền tài vật chất mà ngược đãi con cái... Đó là một điều mà ai cũng thấy quá đau lòng. Năm 1994 được Liên Hiệp Quốc chọn là Năm Quốc Tế Gia Đình (hình như Singapore chọn năm 1995 làm Năm gia đình cho nước họ?), như vậy mọi người lại thấy thêm một điều là giá trị truyền thống của tình yêu cha mẹ - con cái ngày càng được thế giới quan tâm hơn, có nghĩa là con người đang ý thức rõ ràng giá trị đạo đức ấy ngày càng có nguy cơ hư hao nhiều hơn!

Tuyển tập văn dịch các mẩu chuyện nhỏ mà cảm động về chủ đề tình yêu cha mẹ con cái đã hình thành trong hoàn cảnh như vậy. Cái điều mà người đọc sẽ tâm đắc, là dù các tác giả trong sách phần lớn vốn là người phương Tây, nhưng họ đã biểu lộ tình thương cha mẹ đâu có khác gì người Á Đông. Nói khác đi, Tình yêu cha mẹ-con cái ở bất kỳ nơi đâu và ở bất kỳ thời gian nào cũng "vận động" giống nhau mà thôi!

Ở bìa ngoài sách tràn trề in dòng chữ "NHỮNG BÔNG HỒNG DẶNG TẶNG CHA MẸ". Quả thực, tập sách này là một bó hoa hồng-mười bốn câu chuyện, như thế mười bốn bông tươi thắm để-làm quà trao tặng nhau giữa những ai còn biết nặng lòng nhớ đến ơn nghĩa sinh thành, quan tâm vấn đề giáo dục con cái. Với giọng văn nhẹ nhàng, cảm động, qua những câu chuyện chân thật, những phân tích tâm lý tinh tế, Núi cao biển rộng là quyển sách của mọi gia đình, mọi lứa tuổi.

THANH THAO